

KẾ HOẠCH

**Triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2019
của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự
đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng một môi trường sống an toàn, lành mạnh mà ở đó tất cả trẻ em đều được bảo vệ. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực, tạo cơ hội để các em được tái hòa nhập cộng đồng và bình đẳng về cơ hội phát triển hài hòa về thể chất, trí tuệ và nhân cách.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020, toàn tỉnh có trên 95% số xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Từ năm 2020 trở đi, hàng năm có từ 95% đến 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Đối tượng

- Tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, kể cả các xã, phường, thị trấn đã được công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em theo Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định Tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Trẻ em; Thành viên Hội đồng đánh giá, Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động cụ thể

1.1. Truyền thông nâng cao nhận thức

- Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em đặc biệt là các nội dung tại Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; lồng ghép trong các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương để đẩy mạnh triển khai các nội dung liên quan đến tiêu chí về xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em hàng năm.

- Tổ chức vận động, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng để nâng cao trách nhiệm từng thành viên trong gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em nói chung và công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em nói riêng. Ngăn chặn, đẩy lùi các hành vi xâm hại, bạo lực trẻ em.

- Thực hiện vận động, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện tốt công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, tạo môi trường sống thân thiện, an toàn và phù hợp với trẻ em.

1.2. Nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em

- Tập huấn cho cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em cấp huyện, cấp xã về tiêu chí đánh giá; trình tự đánh giá; trình tự xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Tổ chức Hội nghị, Hội thảo sơ kết, tổng kết nhằm chia sẻ kinh nghiệm trong công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

1.3. Kiểm tra, giám sát công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Việc đánh giá các tiêu chí xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em phải đảm bảo tính trung thực, dân chủ, công bằng, công khai và đúng thời gian quy định.

- Tại năm đánh giá, xét duyệt và công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra, giám sát quy trình công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

2. Tiêu chí đánh giá; cách tính, thang điểm đối với từng tiêu chí và điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

2.1. Các tiêu chí

- Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em.

- Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định.
- Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại.
- Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy.
- Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích.
- Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp.
- Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng.
- Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi.
- Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ.
- Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non.
- Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em.
- Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em.
- Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em.

2.2. Cách tính, thang điểm đối với từng tiêu chí

Tên gọi của tiêu chí	Cách tính và thang điểm	Số điểm
Tiêu chí 1: Nguồn lực thực hiện quyền trẻ em	1. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã: 50 điểm 2. Có bố trí cộng tác viên bảo vệ trẻ em tại thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khóm (sau đây gọi chung là thôn và tương đương): 15 điểm 3. Có ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm chuyên trách bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt chế độ giao ban, đánh giá định kỳ hằng tháng, quý, năm: 15 điểm 4. Có kinh phí (ngân sách nhà nước và vận động xã hội) chăm lo cho trẻ em tại địa phương: 20 điểm	100
Tiêu chí 2: Trẻ em được khai sinh đúng quy định	Tính theo tỷ lệ trẻ em được khai sinh đúng quy định: 1. Từ 98% trở lên: 50 điểm 2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm 3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm 4. Dưới 80%: 20 điểm	50
Tiêu chí 3: Trẻ em bị xâm hại	Tính theo tỷ suất trẻ em bị xâm hại (là số trẻ em bị xâm hại dưới các hình thức mà người xâm hại trẻ em bị xử lý hành chính hoặc hình sự trên 1.000 trẻ em): 1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự: 0 điểm	125

	<p>2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị xâm hại tình dục hoặc trẻ em bị bạo lực đến mức người xâm hại trẻ em bị xử lý hình sự và tỷ suất trẻ em bị xâm hại trong kỳ đánh giá:</p> <p>a, Dưới 1/1.000: 125 điểm b, Từ 1 đến dưới 3/1.000: 100 điểm c, Từ 3 đến dưới 5/1.000: 75 điểm d, Từ 5 đến dưới 7/1.000: 50 điểm đ, Từ 7/1.000 trở lên: 30 điểm</p>	
<p>Tiêu chí 4: Trẻ em vi phạm pháp luật, nghiện ma túy</p>	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em vi phạm pháp luật (là số trẻ em vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý hình sự, phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính: giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đang bị áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình và trẻ em nghiện ma túy đang áp dụng biện pháp cai nghiện, điều trị tại cơ sở cai nghiện, gia đình, cộng đồng trên 1.000 trẻ em):</p> <p>1. Dưới 1/1.000: 50 điểm 2. Từ 1 đến dưới 2/1.000: 40 điểm 3. Từ 2 đến dưới 5/1.000: 30 điểm 4. Từ 5 đến dưới 7/1.000: 20 điểm 5. Từ 7/1.000 trở lên: 10 điểm</p>	50
<p>Tiêu chí 5: Trẻ em bị tai nạn, thương tích</p>	<p>Tính theo tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích (là số trẻ em bị tai nạn, thương tích dẫn đến tử vong hoặc bị khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật trên 1.000 trẻ em):</p> <p>1. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích: 0 điểm 2. Trên địa bàn xã, phường, thị trấn không có trẻ em bị tử vong do tai nạn, thương tích và tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích:</p> <p>a, Dưới 0,25/1.000: 100 điểm b, Từ 0,25 đến dưới 0,5/1.000: 75 điểm c, Từ 0,5/1.000 trở lên: 50 điểm</p>	100
<p>Tiêu chí 6: Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp</p>	<p>1. Tính theo tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp:</p> <p>a, Từ 95% trở lên: 50 điểm b, Từ 90% đến dưới 95%: 40 điểm c, Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm d, Từ 70% đến dưới 80%: 20 điểm đ, Dưới 70%: 10 điểm</p> <p>2. Tính theo tỷ lệ các vụ việc trẻ em bị xâm hại tình dục, bỏ rơi, mua bán được Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt kế hoạch can thiệp, hỗ trợ kịp thời:</p> <p>a, 100%: 75 điểm</p>	125

	<p>b, Từ 75% đến dưới 100%: 60 điểm</p> <p>c, Từ 50% đến dưới 75%: 40 điểm</p> <p>d, Dưới 50%: 0 điểm</p>	
<p>Tiêu chí 7: Trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo chương trình tiêm chủng mở rộng</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng (là số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng so với tổng số trẻ em dưới 1 tuổi):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 98% trở lên: 50 điểm 2. Từ 90% đến dưới 98%: 40 điểm 3. Từ 80% đến dưới 90%: 30 điểm 4. Dưới 80%: 10 điểm 	50
<p>Tiêu chí 8: Trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng theo độ tuổi): <ol style="list-style-type: none"> a, Dưới 10%: 45 điểm b, Từ 10% đến dưới 14%: 35 điểm c, Từ 14% trở lên: 25 điểm 2. Tính theo tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi): <ol style="list-style-type: none"> a, Dưới 20%: 30 điểm b, Từ 20% đến dưới 24%: 20 điểm c, Từ 24% trở lên: 10 điểm 	75
<p>Tiêu chí 9: Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em được khám sức khỏe định kỳ (là số trẻ em được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần trong năm trên tổng số trẻ em):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 80% trở lên: 50 điểm 2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm 3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm 4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm 5. Dưới 50%: 10 điểm 	50
<p>Tiêu chí 10: Trẻ em đến trường, lớp mầm non</p>	<p>Tính theo tỷ lệ trẻ em đến trường, lớp mầm non:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 90% trở lên: 75 điểm 2. Từ 80% đến dưới 90%: 65 điểm 3. Từ 70% đến dưới 80%: 55 điểm 4. Dưới 70%: 40 điểm 	75
<p>Tiêu chí 11: Trẻ em được thực hiện quyền tham gia của trẻ em</p>	<p>Tính theo việc tổ chức hoạt động thực hiện quyền tham gia của trẻ em (diễn đàn trẻ em, thăm dò ý kiến trẻ em, câu lạc bộ quyền trẻ em, hội đồng trẻ em, chương trình, hoạt động do trẻ em khởi xướng và thực hiện, các hình thức khác theo quy định) và tỷ lệ trẻ em tham gia:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Từ 20% trở lên: 75 điểm 2. Từ 15% đến dưới 20%: 60 điểm 3. Từ 10% đến dưới 15%: 50 điểm 4. Dưới 10%: 40 điểm 	75

<p>Tiêu chí 12: Hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em</p>	<p>1. Tính theo tỷ lệ thôn và tương đương có Nhà văn hóa - Khu thể thao dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao dành cho trẻ em: a, Từ 70% trở lên: 45 điểm b, Từ 50% đến dưới 70%: 30 điểm c, Dưới 50%: 20 điểm 2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em (ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, tháng hành động vì trẻ em, tết Trung thu,...): 30 điểm</p>	<p>75</p>
<p>Tiêu chí 13: Mức độ hài lòng của trẻ em và người dân về việc thực hiện quyền trẻ em</p>	<p>Thang điểm: Tính theo tỷ lệ người dân và trẻ em hài lòng về việc thực hiện quyền trẻ em tại địa phương (là số người dân và trẻ em hài lòng trên tổng số người dân và trẻ em được hỏi ý kiến thông qua một hoặc các hình thức: phiếu lấy ý kiến, cuộc họp, gặp mặt, đối thoại hoặc hình thức phù hợp khác): 1. Từ 80% trở lên: 50 điểm 2. Từ 70% đến dưới 80%: 40 điểm 3. Từ 60% đến dưới 70%: 30 điểm 4. Từ 50% đến dưới 60%: 20 điểm 5. Dưới 50%: 10 điểm</p>	<p>50</p>

2.3. Điều kiện công nhận

Căn cứ quy định của Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định số điểm để công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (*phải đạt đủ 13 tiêu chí theo quy định, không có tiêu chí nào bị 0 điểm*) và đạt tổng số điểm theo quy định sau:

- Xã, thị trấn thuộc miền núi, hải đảo; xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Đạt từ 800 điểm trở lên.

- Xã, phường, thị trấn còn lại: Đạt từ 850 điểm trở lên.

3. Thời gian, trình tự đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm thứ 2 và tháng 11 năm thứ 4 của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm. (*Số liệu thống kê các Tiêu chí 1,2,4,6,7,8,9,10,11,12,13 được thu thập trong năm đánh giá; Số liệu thống kê Tiêu chí 3,5 được thu thập trong kỳ đánh giá*).

- Công chức Văn hóa - xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch UBND cấp xã thành lập Hội đồng đánh giá bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: Công chức Văn hóa - Xã hội chuyên trách theo dõi về Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Trưởng công an, Trạm trưởng Trạm y tế, Công chức Tư pháp - Hộ tịch, Hiệu trưởng trường mầm non, Chủ tịch

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, đại diện thôn và tương đương.

- Hội đồng đánh giá: Các thành viên căn cứ nhiệm vụ được giao thu thập số liệu, chấm điểm và báo cáo tình hình thực hiện các tiêu chí liên quan. Cuộc họp của Hội đồng đánh giá phải được ghi chép bằng biên bản; có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em gửi UBND cấp huyện trước ngày 15 tháng 11 của năm đánh giá.

4. Thời gian, trình tự xét duyệt, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em

- Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng xét duyệt bao gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm đại diện lãnh đạo các phòng, đơn vị: Lao động - Thương binh và Xã hội (ủy viên thường trực), Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa - Thông tin, Y tế, Công an, Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ.

- Hội đồng xét duyệt: các thành viên Hội đồng xét duyệt có nhiệm vụ xem xét báo cáo của cấp xã và xác định số điểm đạt được cho từng tiêu chí. Cuộc họp của Hội đồng xét duyệt phải được ghi chép bằng biên bản, có kết luận của Chủ tịch Hội đồng nêu rõ xã, phường, thị trấn đạt hay không đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp danh sách xã, phường, thị trấn đạt điều kiện công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, trình Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét và ký quyết định công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày 25 tháng 11 của năm đánh giá.

- UBND cấp huyện gửi quyết định công nhận cho các xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trước ngày 10 tháng 12 của năm đánh giá.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí hoạt động thu thập thông tin, đánh giá, xét duyệt, công nhận, kiểm tra và khen thưởng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hằng năm của địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan hướng dẫn, triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; là cơ quan Thường trực giúp UBND tỉnh trong việc đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện của các địa phương và tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Tổ chức truyền thông, tuyên truyền, vận động xã hội về xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Kiểm tra, giám sát, tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo thực hiện các tiêu chí 1, 5, 6, 11, 13 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Sở Tài chính

Hàng năm trên cơ sở dự toán do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thị xã, thành phố lập, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, hướng dẫn đưa chỉ tiêu về tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Sở Y tế

Chỉ đạo tổ chức tốt chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em; chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em dưới 5 tuổi và các chương trình khác về chăm sóc sức khỏe cho trẻ em; Chỉ đạo thực hiện tiêu chí 7, 8, 9 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn các trường học huy động trẻ em đến trường mầm non; Chỉ đạo thực hiện tiêu chí 10 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và các địa phương lồng ghép công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em vào phong trào xây dựng "Gia đình văn hóa"; thôn, bản, tổ dân phố văn hóa; cơ quan, đơn vị văn hóa và các mô hình, hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể dục, thể thao dành cho trẻ em; chú trọng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở, đặc biệt là thiết chế văn hóa thiếu nhi, tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh cho trẻ em trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện tiêu chí số 12 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Sở Tư pháp: Hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn triển khai, thực hiện tốt việc đăng ký giấy khai sinh cho trẻ em; Chỉ đạo thực hiện tiêu chí 2 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

8. Công an tỉnh: Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý nghiêm đối với tội phạm xâm hại, bạo lực trẻ em; Chỉ đạo thực hiện tiêu chí 3, 4 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội cấp tỉnh: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp, tham gia tuyên truyền trong đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân và triển khai thực hiện Kế hoạch này, đồng thời phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về thực hiện quyền của trẻ em nói chung và các chỉ tiêu xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em nói riêng; Lòng ghép các nội dung bảo vệ, chăm sóc trẻ em với chương trình công tác hàng năm của đơn vị cũng như các phong trào thi đua, các cuộc vận động, tiêu biểu như: Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; Phối hợp tham gia giám sát các chính sách, pháp luật về trẻ em trên địa bàn tỉnh.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện quy định này tại địa phương. Tổ chức cho xã, phường, thị trấn đăng ký xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Chỉ đạo các ngành, đoàn thể, UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân về các văn bản của Trung ương, của tỉnh và lồng ghép việc thực hiện quy định các tiêu chí xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em vào các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Rà soát, đánh giá lại đối với các xã, phường, thị trấn đã được công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em theo Quyết định số 34/2014/QĐ-TTg ngày 30/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ để đánh giá, công nhận lại theo các tiêu chí tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- Trước ngày 15 tháng 11 của năm đánh giá, Chủ tịch UBND cấp xã ký duyệt báo cáo đánh giá tình hình thực hiện tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em gửi UBND cấp huyện.

- Trước ngày 30 tháng 11 của năm đánh giá, UBND cấp huyện tổng hợp tình hình và báo cáo kết quả thực hiện công tác xây dựng xã, phường, thị trấn

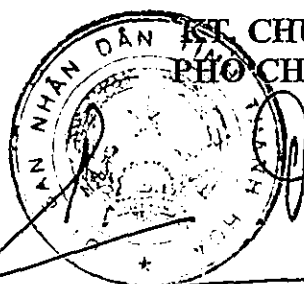
phù hợp với trẻ em về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Trước ngày 10 tháng 12 của năm đánh giá, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ gửi về UBND tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả./.

Nơi nhận

- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ngành, đoàn thể liên quan (mục V);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VX.TE19


KST. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đăng Quyền